

Số: /GPMT-XDMT

Nghệ An, ngày tháng 5 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ KKT ĐÔNG NAM NGHỆ AN

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;

Căn cứ Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 12/11/2024 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Ban quản lý KKT Đông Nam Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 2996/QĐ-UBND ngày 23/9/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An về việc ủy quyền cho Trưởng Ban Quản lý KKT Đông Nam Nghệ An thực hiện một số nhiệm vụ về bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An;

Xét Văn bản số 02/CV-MT ngày 20/5/2026 của Công ty TNHH Sản xuất vật liệu xây dựng và cơ điện An Nam về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án "Nhà xưởng cho thuê và sản xuất các sản phẩm từ Plastic" tại Khu A, KCN Nam Cẩm, xã Trung Lộc, tỉnh Nghệ An và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Xây dựng và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Sản xuất vật liệu xây dựng và cơ điện An Nam, địa chỉ tại Khu A, KCN Nam Cẩm, xã Trung Lộc, tỉnh Nghệ An được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án "Nhà xưởng cho thuê và sản xuất các sản phẩm từ Plastic" tại Khu A, KCN Nam Cẩm, xã Trung Lộc, tỉnh Nghệ An với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

- 1.1. Tên dự án: Nhà xưởng cho thuê và sản xuất các sản phẩm từ Plastic.
- 1.2. Địa điểm dự án: Khu A, KCN Nam Cẩm, xã Trung Lộc, tỉnh Nghệ An.
- 1.3. Giấy chứng nhận đầu tư số: 1608688768 do Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An cấp chứng nhận lần đầu ngày 13/6/2025, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 1 ngày 23/6/2025.

1.4. Mã số thuế: 2902208105.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các sản phẩm từ plastic – Mã ngành 2220; Kho, bãi lưu giữ hàng hóa – Mã ngành 5210; Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi – Mã ngành 6810.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Diện tích sử dụng đất: 23.417,68 m².

- Theo Dự án có tiêu chí tương đương dự án nhóm C theo tiêu chí phân loại của pháp luật về đầu tư công (Căn cứ theo Điều 11 Luật đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024); Dự án thuộc Nhóm III theo tiêu chí phân loại về môi trường quy định tại Số thứ tự III.3 Phụ lục V Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Căn cứ khoản 3, Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025 và Quyết định số 2996/QĐ-UBND ngày 23/9/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An, dự án thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường của Trưởng Ban Quản lý KKT Đông Nam Nghệ An.

- Công suất của dự án:

+ Các sản phẩm nhựa (Khay nhựa, pallet nhựa, chi tiết nhựa, ống nhựa, đồ gia dụng bằng nhựa, hạt nhựa): 25.000 tấn sản phẩm/năm.

+ Kho, bãi lưu giữ hàng hóa: Khoảng 8.000 m².

+ Nhà xưởng, văn phòng cho thuê: khoảng 8.000 m².

- Quy trình sản xuất của dự án:

Quy trình sản xuất sản phẩm nhựa: Nguyên liệu sản xuất bao gồm: Hạt nhựa nguyên sinh; Chất tạo màu và các chất phụ gia; Các bavia, sản phẩm lỗi của dự án (Sau khi băm nhỏ) → Trộn đều → Gia nhiệt → Ép khuôn → Làm nguội và tháo khuôn → Cắt gọn, kiểm tra và hoàn thiện → Đóng gói → Lưu kho.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Sản xuất vật liệu xây dựng và cơ điện An Nam.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Sản xuất vật liệu xây dựng và cơ điện An Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành. Quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý KKT Đông Nam, UBND xã Trung Lộc, Công ty TNHH MTV Đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Nghệ An nếu xảy ra các sự cố dẫn đến ô nhiễm môi trường để chỉ đạo, giải quyết.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.6. Trong quá trình hoạt động, đẩy mạnh phát triển sản xuất xanh hướng tới tăng trưởng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; Áp dụng kỹ thuật sản xuất sạch, sản xuất sạch hơn vào các công đoạn sản xuất; Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguyên, nhiên, vật liệu và hóa chất đầu vào; Không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác bảo vệ môi trường, khuyến khích xây dựng và triển khai chương trình kiểm toán môi trường, kiểm toán năng lượng nội bộ.

2.7. Định kỳ duy tu, bảo dưỡng nâng cấp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng được yêu cầu trong công tác bảo vệ môi trường. Trong trường hợp các biện pháp, giải pháp bảo vệ môi trường theo đề xuất không đáp ứng được yêu cầu trong công tác bảo vệ môi trường, Chủ đầu tư có trách nhiệm áp dụng các giải pháp, biện pháp bổ sung để đáp ứng được yêu cầu trong công tác bảo vệ môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày cấp giấy phép.

Điều 4. Giao Phòng Xây dựng và Môi trường, Ban Quản lý KKT Đông Nam phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Trưởng Ban (để b/c);
- Các Phó Trưởng Ban;
- UBND xã Trung Lộc;
- Công ty TNHH MTV ĐTXD phát triển hạ tầng Nghệ An;
- Công ty TNHH Sản xuất VLXD và cơ điện An Nam;
- Các phòng: VP, XDMT, KHĐT;
- Trang TTĐT Ban QL KKT Đông Nam;
- Lưu: VT, XDMT_(Huệ).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Mạnh Lợi

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-XDMT ngày /5/2026
của Trưởng Ban Quản lý KKT Đông Nam Nghệ An)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải

Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh của dự án.

Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động rửa chân tay, lau sàn, tắm giặt,... của dự án.

Nguồn số 3: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà ăn.

Nguồn số 4: Nước làm mát quá trình làm mát máy ép phun nhựa (Sử dụng tuần hoàn, không xả ra môi trường).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Cấm, đoạn chảy qua địa phận xã Trung Lộc, tỉnh Nghệ An.

Tọa độ vị trí tiếp nhận nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°):

$$X = 2083561(\text{m}); \quad Y = 594264 (\text{m}).$$

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý theo đường ống thoát nước D200 dẫn về kênh Long Thuận, sau đó chảy về sông Cấm đoạn chảy qua địa bàn xã Trung Lộc, tỉnh Nghệ An.

(Sau khi hạ tầng Khu A, KCN Nam Cấm hoàn thiện, Chủ đầu tư có trách nhiệm xử lý nước thải đạt yêu cầu đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung và đầu nối nước thải của dự án vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải của KCN Nam Cấm theo đúng quy định).

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°):

$$X = 2082616 (\text{m}); \quad Y = 594114 (\text{m}).$$

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $30\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.4. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.5. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả thải ra môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2025/BTNMT (Bảng 2, cột B) -

Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung. Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động liên tục
2	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅ ở 20°C)	mg/l	≤ 35		
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/l	≤ 90		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 60		
5	Amoni (N-NH ₄ ⁺), tính theo N	mg/l	≤ 8,0		
6	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	≤ 30		
7	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/l	≤ 6,0		
8	Sunfua (S ₂ ⁻)	mg/l	≤ 0,5		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤ 15		
10	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	≤ 5,0		
11	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100ml	≤ 5000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

1.1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

a) Nước thải sinh hoạt:

- Nước thải từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, sau đó qua hệ thống đường ống PVC D200 có chiều dài khoảng 185 m dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 30 m³/ngày.đêm của dự án để tiếp tục xử lý.

- Nước thải của khu vực nhà ăn (bố trí tại khu vực nhà văn phòng) được thu gom qua song chắn rác và thiết bị tách dầu mỡ (01 thiết bị tách dầu mỡ) sau đó theo đường ống dẫn D200 có chiều dài khoảng 180 m dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 30 m³/ngày.đêm của dự án để tiếp tục xử lý.

- Nước thải từ khu vực lau sàn, rửa chân tay,... được thu gom qua song chắn rác sau đó theo đường ống dẫn D200 có chiều dài khoảng 180m dẫn về hệ thống

xử lý nước thải tập trung công suất 30 m³/ngày.đêm của dự án để tiếp tục xử lý.

b) Nước thải sản xuất: Toàn bộ nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn làm mát (Nguồn số 04) được thu gom và đưa qua hệ thống giải nhiệt, sau đó tái tuần hoàn sử dụng 100%, không xả ra ngoài môi trường.

1.1.2. Mạng lưới thoát nước thải

Toàn bộ nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT (Cột B, Bảng 2) được thu gom và thoát ra kênh Long Thuận thông qua đường ống thoát nước D200; sau đó chảy về sông Cấm, đoạn qua địa bàn xã Trung Lộc, tỉnh Nghệ An.

(Sau khi hạ tầng Khu A, KCN Nam Cấm được hoàn thiện, Chủ đầu tư có trách nhiệm xử lý nước thải bảo đảm đáp ứng yêu cầu đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung và thực hiện đầu nối nước thải của dự án vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu A, KCN Nam Cấm theo đúng quy định).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Công suất thiết kế: 30 m³/ngày.đêm.
- Quy trình công nghệ xử lý: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ (bể tự hoại, thiết bị tách dầu mỡ,...) → Bể thu gom (7,28 m³) → Bể điều hòa (16,8 m³) → Bể thiếu khí (8,4 m³) → Bể hiếu khí (23,52 m³) → Bể lắng (6,3 m³) → Bể khử trùng (4,2 m³) → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT (Cột B, Bảng 2) → Nguồn tiếp nhận Sông Cấm.

- Chế độ vận hành: Liên tục.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine, men vi sinh.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục và định kỳ theo quy định tại Khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ quy trình vận hành và bảo dưỡng máy móc, thiết bị; Tập huấn cho công nhân vận hành về việc phòng ngừa, ứng phó sự cố,...Trang bị một số thiết bị dự phòng cho các máy móc dễ hư hỏng như máy bơm dự phòng, máy thổi khí, các phụ tùng khác để kịp thời thay thế khi xảy ra sự cố.

- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho các hệ thống xử lý nước thải. Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, nạo vét đường ống để phát hiện và xử lý kịp thời trường hợp sự cố tắc nghẽn và rò rỉ trong hệ thống thu gom nước thải.

- Trường hợp hệ thống gặp sự cố cần nhanh chóng khắc phục sự cố để đưa hệ thống xử lý nước thải trở lại hoạt động bình thường. Trường hợp thời gian sửa chữa lâu, các bể trong hệ thống xử lý nước thải không đủ khả năng lưu chứa. Dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút mang đi xử lý, cam kết không đầu nổi nước thải không đạt quy chuẩn ra ngoài môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải của dự án dự kiến bắt đầu từ tháng 01/2028 đến hết tháng 03/2028.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 30 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Vị trí lấy mẫu đầu vào: 01 vị trí tại bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Vị trí lấy mẫu đầu ra: 01 vị trí tại hồ ga kiểm soát sau xử lý.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và bảo đảm các nồng độ các chất ô nhiễm đáp ứng theo yêu cầu tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này trước khi thải vào môi trường.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT): phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Vận hành công trình đầu nổi nước thải đúng quy trình kỹ thuật; Điểm đầu nổi nước thải phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát;

3.3. Trường hợp nếu có sự cố bất thường về công trình xử lý nước thải, chủ dự án phải báo cáo kịp thời về Ban Quản lý KKT Đông Nam, UBND xã Trung Lộc, Công ty TNHH MTV ĐTXD phát triển hạ tầng Nghệ An để phối hợp chỉ đạo, giải quyết.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-XDMT ngày /5/2026 của Trưởng Ban Quản lý KKT Đông Nam Nghệ An)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải phải xử lý:

Nguồn số 1: Khí thải phát sinh từ quá trình gia nhiệt các sản phẩm nhựa tại khu vực nhà xưởng, kho số 4.

Nguồn số 2: Bụi phát sinh từ các công đoạn băm nhỏ, trộn nguyên liệu, cắt gọt hoàn thiện sản phẩm tại khu vực nhà xưởng, kho số 4.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí và lưu lượng xả khí thải:

- Vị trí xả khí thải: Tọa độ vị trí ống thoát khí sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiều 3°), cụ thể:

$$X(m) = 2082768; \quad Y(m) = 594102.$$

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $30.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2. Phương thức xả khí thải: Xả thải cưỡng bức (sử dụng quạt hút), gián đoạn.

2.3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí: Chất lượng bụi, khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột C) trước khi thải ra môi trường. Cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 19:2024/BTNMT (cột C)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (tính theo TVOC, bao gồm các cấu tử: Benzen, Toluen, Etylbenzen, Xylen)	mg/Nm ³	≤ 150	Thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động liên tục

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Khí thải phát sinh tại quá trình gia nhiệt nhựa (nguồn số 1) được thu gom bằng hệ thống chụp hút về hệ thống xử lý khí thải để xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường.

- Bụi nhựa phát sinh từ quá trình cắt, băm, phối trộn (nguồn số 2) được thu gom bằng các chụp hút dẫn về máy hút bụi túi vải tại dây chuyền sản xuất, không xả thải ra ngoài môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý: Bụi, khí thải phát sinh → Chụp hút → Đường ống dẫn khí thải → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí thải ra môi trường.

- Công suất: 30.000 m³/h.

- Thông số kỹ thuật ống thoát khí: Cao 17 m, kích thước ống thải D = 500 mm.

- Chế độ vận hành: liên tục trong quá trình sản xuất.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống quan trắc khí thải định kỳ, tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục và định kỳ theo quy quy định tại Khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ quy trình vận hành và các yêu cầu kỹ thuật của các thiết bị xử lý bụi, khí thải.

- Định kỳ kiểm tra, theo dõi thiết bị bảo đảm hệ thống xử lý khí thải hoạt động ổn định, liên tục.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố, dừng hoạt động sản xuất tại dây chuyền liên quan, kiểm tra hệ thống xử lý bụi, khí thải và chỉ hoạt động trở lại khi hệ thống xử lý khí thải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

- Đối với sự cố lớn, dừng hoạt động sản xuất và báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải của dự án bắt đầu từ tháng 01/2028 đến hết tháng 03/2028.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

01 hệ thống xử lý khí thải, công suất 30.000 m³/giờ.

2.2.1 Vị trí lấy mẫu: 01 điểm (cửa) lấy mẫu khí thải của hệ thống xử lý khí thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ đầu tư phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.4 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm các hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể: Tối thiểu 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của các công trình khí thải.

3. Các yêu cầu bảo vệ môi trường

3.1 Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2 Đảm bảo bố trí nhân lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.3 Vận hành công trình xử lý khí thải đúng quy trình kỹ thuật; Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành các công trình xử lý khí thải; Điểm xả thải phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát khí thải.

3.4. Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.5 Trường hợp nếu có sự cố bất thường về công trình xử lý khí thải, Chủ đầu tư phải báo cáo kịp thời về Ban Quản lý KKT Đông Nam Nghệ An, UBND xã Trung Lộc, Công ty TNHH MTV ĐTXD phát triển hạ tầng Nghệ An để phối hợp chỉ đạo, giải quyết.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-XDMT ngày /5/2026
của Trưởng Ban Quản lý KKT Đông Nam)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ dây chuyền sản xuất sản phẩm nhựa tại nhà xưởng số 04.

Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

2. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường: QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

TT	Ngày Từ 6h00 đến trước 18h00 (dBA)	Tối Từ 18h00 đến trước 22h00 (dBA)	Đêm Từ 22h00 đến trước 6h00 (dBA)	Tần suất quan trắc định kì	Ghi chú
1	70	65	60	-	Khu vực E

3. Độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường: QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

TT	Ngày Từ 6h00 đến trước 22h00 (dB)	Đêm Từ 22h00 đến trước 6h00 (dB)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	65	-	Khu vực D

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Lắp đặt máy móc, thiết bị đúng yêu cầu kỹ thuật nhằm làm giảm chấn động khi hoạt động như: Các chân đế được gia cố bằng bê tông hoặc lắp đặt các kê đệm chống ồn. Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các máy móc thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực.

1.2. Thường xuyên kiểm tra máy móc, độ mòn các chi tiết máy, luôn tra dầu mỡ, bôi trơn các máy, bảo dưỡng các thiết bị và thay thế các chi tiết bào mòn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-XDMT ngày /05/2026 của
Trưởng Ban Quản lý KKT Đông Nam Nghệ An)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

Khối lượng chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh của dự án khoảng 380 kg/năm. Cụ thể như sau:

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng dự kiến (kg/năm)	Phân loại chất thải
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	50	KS
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	50	NH
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	80	NH
4	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	12 01 04	200	NH
Tổng				380	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh khoảng 12 tấn/năm, bao gồm các thành phần cụ thể sau:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	2
2	Pallet hỏng, bavia nhựa thừa, sản phẩm lỗi, bao bì, túi nilon, bụi nhựa,...	10
	Tổng	12

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Bao gồm: giấy báo, tài liệu, vật liệu đóng gói, thùng carton, túi nilon, vật liệu bao gói thực phẩm, thức ăn dư thừa... với khối lượng khoảng 50 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Lưu chứa vào các thùng chuyên dụng chứa chất thải nguy hại có nắp đậy, bao bì được dán nhãn cảnh báo nguy hại được để tại kho lưu chứa chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà

- Diện tích kho chất thải nguy hại: 6 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Nền bê tông chống thấm, tường gạch, cửa thép, có mái che kín, có gờ chống tràn, biển báo trong và ngoài kho và trang bị thiết bị, vật tư ứng phó tình huống khẩn cấp.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

- Đối với bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung được lưu trữ tại bể chứa bùn, định kì thuê đơn vị có chức năng đến hút, vận chuyển xử lý đúng quy định.

- Đối với pallet, bao bì, sản phẩm lỗi,... được thu gom vào các túi, bao bì rồi lưu giữ tại khu vực/kho lưu chứa.

2.2.2. Khu vực/Kho lưu chứa

- Diện tích: 10 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Nền bê tông, tường gạch, có mái che, biển báo ngoài kho.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại và thu gom vào các thùng chứa đặt trong phạm vi dự án. Cuối ngày, nhân viên vệ sinh tập kết về kho chất thải sinh hoạt.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 6 m².
- Kho chứa kín, nền bê tông, tường gạch, có mái che, biển báo ngoài kho.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải:

Dự án không có hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải phát sinh.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng quy trình vận hành, quản lý hệ thống các công trình xử lý chất thải (nước thải, khí thải); vận hành thiết bị đúng quy trình, thao tác và định lượng các hóa chất sử dụng theo khuyến nghị và hướng dẫn của đơn vị chuyển giao công nghệ.

- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của máy móc thiết bị và các hạng mục công trình xử lý chất thải, kịp thời phát hiện và khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Kiểm tra, nhắc nhở, giáo dục ý thức làm việc của công nhân, cán bộ vận hành hệ thống xử lý nước thải, khí thải thu gom, quản lý chất thải thông thường, chất thải nguy hại.

- Lắp đặt, trang bị hệ thống thiết bị phòng cháy chữa cháy; Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị; Xây dựng phương án ứng phó và phối hợp với cảnh sát phòng cháy chữa cháy khu vực để kịp thời ứng phó khi có sự cố xảy ra.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại Điểm b, Khoản 6 Điều 124 Luật bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.